TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:20/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 01 - 2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Bửu Khánh
Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 634/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 477/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thân Thị U, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp TH, xã TL, huyện GR, tỉnh KG

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn Th, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp TH, xã TL, huyện GR, tỉnh KG

Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Thân Thị U trình bày: Bà U và ông Phan Văn Th được sự mai mối và được sự đồng ý hai bên gia đình tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới từ năm 1993, nhưng đến năm 2001 mới tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu nhưng dần về sau vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu Thẫn. Nguyên nhân do ông Th nhiều lần đánh bạc gây nợ nần, thiếu trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng đã sống ly thân, ông Th về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Nay bà U xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn Th.

Về con chung: Bà U xác định có 02 người con chung: Phan Chí T1, sinh năm 1993 và Phan Văn T, sinh năm 1994, các con đã trưởng thành, không mất khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà U xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Văn Th trình bày: Ông Th xác nhận lời trình bày của bà U về hôn nhân; con chung; tài sản chung và nợ chung, nguyên nhân mâu Thẫn là đúng. Tuy nhiên việc bà U cho rằng ông về nhà cha mẹ sống là không đúng, ông chỉ về nuôi cha mẹ bị bệnh. Nay bà U yêu cầu ly hôn ông không đồng ý. Vì hiện tại ông còn thương vợ con và vợ chồng đã lớn tuổi không có mâu Thẫn gì trầm trọng nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Th xác định có 02 người con chung: Phan Chí T1, sinh năm 1993 và Phan Văn T, sinh năm 1994, đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Ông Th xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Thân Thị U vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn Th. Nếu trường hợp Tòa không giải quyết cho chị được ly hôn với ông Th, bà cũng kiên quyết không quay về chung sống với ông Th.

Bị đơn ông Phan Văn Th đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà U, không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, thẩm phán, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Tại phiên tòa bà U và ông Th Thận tình ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự Thận tình ly hôn của các đương sự.

Về con chung bà U, ông Th xác nhận đã trưởng thành, không mất khả năng lao động không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông Phan Văn Th với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Lộc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định

tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án Thộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Thân Thị U và ông Phan Văn Th là hôn nhân hợp pháp đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, theo thẩm quyền đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9; Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 cũng như Điều 10 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tại phiên tòa các bên thống nhất Thận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự Thận tình ly hôn ngữa bà Thân Thị U với ông Phan Văn Th.

[2.2]. Về con chung: Bà U, ông Th xác định có hai người con chung gồm: Phan Chí T1, sinh năm 1993; Phan Văn T, sinh năm 1994 đã trưởng thành, không mất khả năng lao động không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Do các đương sự tự nguyện thỏa Thận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên bà U, ông Th phải chịu án phí ly hôn 50% là 150.000 đồng, mỗi người phải nộp 150.000 đồng. Nhưng bà U tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn là 300.000 đồng Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai Th tiền số 0008978 ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 51; 53; 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử;

1. Ghi nhận sự Thận tình ly hôn giữa bà Thân Thị U với ông Phan Văn Th.

2. Về quan hệ con chung: Các con đã trưởng thành không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Do các đương sự tự nguyện thỏa Thận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên bà U, ông Th phải chịu án phí ly hôn 50% là 150.000 đồng, mỗi người phải nộp 150.000 đồng. Nhưng bà U tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn là 300.000 đồng Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai Th tiền số 0008978 ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà Thân Thị U, ông Phan Văn Th có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên